

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TIẾNG ANH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360220	Nguyễn Hồng	Ái	11/05/2007	01DH15C1	7,0	7,5	7,3		7,8		7,6	Đạt
2	1223360207	Lê Quốc	An	17/12/2007	01DS15C1	5,0	5,0	5,0		6,7		6,0	Đạt
3	2223360417	Đoàn Xuân Phương	An	09/11/2007	02DD15C1	9,0	8,0	8,3		4,8		6,2	Đạt
4	1223240037	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/09/1995	02KT15E1	7,0	7,0	7,0		9,6		8,5	Đạt
5	1223360038	Trần Tuyết	Anh	20/09/2007	01DN15C1	7,0	7,5	7,3		8,2		7,8	Đạt
6	1223360212	Phạm Minh	Anh	16/06/2007	01DD15C1	6,0	5,0	5,3		7,6		6,7	Đạt
7	2223240041	Lê Việt	Anh	16/05/1995	02DS15B2	7,0	8,0	7,7		9,6		8,8	Đạt
8	2223240068	Vưu Kim	Anh	28/02/1999	02DS15B2	6,8	7,5	7,3		10		8,9	Đạt
9	2223240006	Nguyễn Trần Hiếu	Anh	28/3/1993	02DS15B1	10,0	8,0	8,7		7,8		8,2	Đạt
10	3223240024	Ngô Tú	Anh	23/11/1996	02KT15E2	10,0	8,5	9,0		9,4		9,2	Đạt
11	2223360053	Trần Minh Trâm	Anh	16/02/2005	02DD15C1	10,0	5,5	7,0		5,0		5,8	Đạt
12	2223360289	Ngô Lý Mỹ	Anh	26/08/1993	02KT15D1	7,0	9,0	8,3		0,0		3,3	Thi lại
13	2223360292	Hoàng Tuấn	Anh	14/03/2003	02DN15D1	7,5	9,0	8,5		8,3		8,4	Đạt
14	2223360387	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Anh	04/01/2004	02TM15C1	6,0	6,0	6,0		7,3		6,8	Đạt
15	2223360480	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02DD15C2	9,0	6,5	7,3		9,3		8,5	Đạt
16	2223360396	Phạm Thị Phương	Anh	26/08/2007	02DS15C1	8,0	9,5	9,0		6,6		7,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
17	2223360408	Vũ Hải	Anh	25/08/2007	02DH15C2	8,5	7,5	7,8		5,6		6,5	Đạt
18	2223360430	Nguyễn Kỳ	Anh	15/07/2007	02DH15C2	9,5	8,5	8,8		7,2		7,8	Đạt
19	2223360450	Nguyễn Quỳnh	Anh	07/12/2007	02DS15C2	8,0	5,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
20	2223360466	Vũ Trúc	Anh	09/04/2007	02DD15C1	7,5	7,0	7,2		6,8		7,0	Đạt
21	2223360474	Nguyễn Thị Phương	Anh	08/10/2007	02DH15C3	9,0	6,5	7,3		7,0		7,1	Đạt
22	2223240198	Nguyễn Nguyễn Ngọc Hải	Anh	17/08/1999	02YS15A2	8,0	7,0	7,3		8,3		7,9	Đạt
23	2223240082	Trần Tuấn	Anh	01/04/2001	02DS15B2	5,0	5,0	5,0		9,0		7,4	Đạt
24	2223240140	Trần Thị Vân	Anh	08/04/2001	02YS15B1	9,0	10,0	9,7		9,8		9,8	Đạt
25	3223240009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/08/2001	02KT15E2	7,0	8,0	7,7		9,3		8,7	Đạt
26	2223180004	Võ Thị Ngọc	Ánh	16/01/1998	02DS15B1	8,0	6,0	6,7		6,4		6,5	Đạt
27	2223240184	Trần Thị Ngọc	Ánh	04/07/2002	02KT15A1	8,0	7,0	7,3		6,8		7,0	Đạt
28	2223360083	Nguyễn Quốc	Ân	01/05/2006	02BK15A3	7,0	6,0	6,3		8,5		7,6	Đạt
29	1223360012	Lê Phước Gia	Bảo	14/05/2004	01TM15C1	6,0	7,5	7,0		8,6		8,0	Đạt
30	2223360010	Nguyễn Thái	Bảo	16/08/2003	02DN15C1	6,0	6,0	6,0		7,3		6,8	Đạt
31	2223240014	Bùi Chí	Bảo	22/01/2000	02YS15B1	10,0	9,0	9,3		9,1		9,2	Đạt
32	2223360024	Trần Gia	Bảo	02/02/2005	02YS15C1	7,0	8,0	7,7		5,3		6,3	Đạt
33	2223360071	Trần Lê Gia	Bảo	16/07/2005	02BK15A7	7,0	7,0	7,0		0,0		2,8	Thi lại
34	3223240007	Đặng Trần Thi	Ca	20/02/1997	02KT15E2	6,0	7,5	7,0		5,1		5,9	Đạt
35	1223360186	Võ Thành	Công	08/12/2007	01TM15C1	5,0	5,0	5,0		5,6		5,4	Đạt
36	3223240022	Trần Thị Hồng	Cúc	10/02/1998	02KT15A1	8,0	9,0	8,7		9,8		9,4	Đạt
37	2223360054	Nguyễn Chí	Cường	07/10/2000	02DS15D2	7,0	7,0	7,0		8,9		8,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
38	2223360086	Lê Chí Cường	21/03/2003	02DH15C1	8,0	6,5	7,0			4,4		5,4	Đạt
39	2223360091	Đồng Hương Thảo	04/06/1999	02MK15D1	10,0	10,0	10,0			9,4		9,6	Đạt
40	1223240021	Phạm Thị Ngọc	03/04/2001	02KT15E1	6,3	7,5	7,1			8,9		8,2	Đạt
41	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo	02/07/2003	02DH15A1	8,0	8,0	8,0			7,8		7,9	Đạt
42	2223240166	Huỳnh Thị Thùy	02/09/2000	02KT15B1	7,0	8,5	8,0			8,3		8,2	Đạt
43	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ	01/01/1995	02KT15B1	10,0	9,5	9,7			9,8		9,8	Đạt
44	1223360213	Trần Hoàng Kim	27/12/2007	01DD15C1	6,0	5,0	5,3			7,6		6,7	Đạt
45	2223180016	Lương Thị Kim	30/09/1979	02DS15B1	7,8	8,5	8,3			8		8,1	Đạt
46	3223180012	Lương Thị Mỹ	01/06/1996	02KT15E1	7,0	6,5	6,7			5,6		6,0	Đạt
47	2223240046	Nguyễn Minh	10/02/1998	02KT15B1	6,3	8,5	7,8			9,8		9,0	Đạt
48	2223360345	Đặng Hoàng	23/05/1995	02DD15D1	9,0	9,0	9,0			7,8		8,3	Đạt
49	2223240007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	15/12/1984	02DD15B1	10,0	8,0	8,7		7,4		7,9	Đạt
50	2223360029	Ninh Thị	Dịu	20/04/1992	02DH15C1	8,0	7,0	7,3		5,8		6,4	Đạt
51	2223360050	Quách Khả	Doanh	14/04/2006	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
52	1223180011	Trần Thị Thu	Dung	24/10/1986	01DS15B1	7,0	7,0	7,0		10,0		8,8	Đạt
53	2223240100	Nguyễn Hoàng	Dung	24/02/2000	02DS15B2	10,0	9,0	9,3		9,4		9,4	Đạt
54	2223360370	Vũ Đức	Dũng	25/12/2006	02PM15C2	8,5	8,0	8,2		7,2		7,6	Đạt
55	1223360018	Đình Hải	Duy	10/08/1997	01YS15C1	9,0	9,2	9,1		9,5		9,3	Đạt
56	1223360139	Hồ Trung	Duy	16/06/2007	01YS15C1	5,0	5,0	5,0		5,3		5,2	Đạt
57	1223360206	Phạm Trà Hải	Duy	01/03/2007	01DS15C1	6,0	6,5	6,3		6,4		6,4	Đạt
58	2223360030	Nguyễn Thị Khánh	Duy	20/09/2005	02DS15C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
59	2223360035	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	02DS15D2	7,0	7,0	7,0		8,9		8,1	Đạt
60	2223240151	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/06/1997	02DN15B1	6,5	8,0	7,5		8,0		7,8	Đạt
61	1223360031	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	02KT15E1	6,0	7,0	6,7		10,0		8,7	Đạt
62	1223360182	Trần Quốc	Dương	08/01/2007	01PM15C1	6,0	5,0	5,3		7,6		6,7	Đạt
63	2223240076	Trần Đức	Dương	13/04/2000	02DD15B1	6,0	7,5	7,0		10,0		8,8	Đạt
64	2223240183	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	17/04/2000	02KT15B1	8,0	9,0	8,7		8,3		8,5	Đạt
65	2223360409	Lê Trần Thùy	Dương	04/12/2007	02PL15C1	8,0	5,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
66	2223360102	Nguyễn Thị	Dưỡng	22/09/2002	02MK15D1	8,0	10,0	9,3		9,6		9,5	Đạt
67	1223360191	Phạm Thị Hồng	Đào	17/10/2007	01YS15C1	7,0	8,0	7,7		7,6		7,6	Đạt
68	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02KT15E2	10,0	9,0	9,3		9,8		9,6	Đạt
69	2223240050	Lê Khắc	Đạt	08/10/1999	02YS15B1	6,0	7,0	6,7		9,6		8,4	Đạt
70	2223360371	Huỳnh Chí	Đạt	24/02/2007	02DH15C2	8,0	6,0	6,7		6,6		6,6	Đạt
71	2223360398	Nguyễn Đoàn Hiền	Đạt	18/12/2007	02DS15C1	8,5	8,5	8,5		6,2		7,1	Đạt
72	2223360485	Nghiêm Tấn	Đạt	20/12/2007	02PM15C2	6,0	6,0	6,0		5,5		5,7	Đạt
73	2223360146	Nguyễn Minh	Đạt	09/01/2004	02YS15C1	8,0	7,0	7,3		0,0		2,9	Thi lại
74	1223360157	Ngô Khánh	Đăng	02/12/2007	01DD15C1	5,0	5,0	5,0		5,1		5,1	Đạt
75	2223240025	Cao Minh	Điền	26/07/2000	02DS15B1	10,0	8,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
76	1223180013	La Mộng	Điệp	14/05/1990	01YS15A1	7,0	8,0	7,7		9,1		8,5	Đạt
77	2223240079	Bùi Thị	Điệp	15/06/1998	02DS15A2	8,0	7,5	7,7		8,0		7,9	Đạt
78	1223240034	Đình Thị Yến	Đình	16/06/1995	01YS15A1	9,3	10,0	9,8		9,5		9,6	Đạt
79	3223240021	Phan Thị	Đô	02/09/1990	02KT15E2	8,0	7,0	7,3		5,8		6,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
80	2223360390	Nguyễn Hàn Nhật	Đông	10/01/2007	02DH15C2	9,0	6,5	7,3		7,4		7,4	Đạt
81	2223240130	Nguyễn Gia	Đông	25/01/1996	02DS15A2	8,0	8,0	8,0		9,5		8,9	Đạt
82	2223240036	Nguyễn Trọng	Đức	10/06/1987	02DS15B2	6,8	6,5	6,6		9,6		8,4	Đạt
83	2223360017	Lê Thị Hồng	Gắm	02/06/1999	02DS15C2	9,0	6,5	7,3		8,2		7,8	Đạt
84	1223240013	Nguyễn Thị Trúc	Giang	03/07/2003	01KT15A1	6,4	8,0	7,5		8,2		7,9	Đạt
85	1223240024	Nguyễn Thành	Giang	25/06/1995	01DS15B1	6,3	7,5	7,1		10,0		8,8	Đạt
86	1223240022	Nguyễn Huỳnh	Giang	20/10/2003	01DS15A2	6,0	7,0	6,7		4,0		5,1	Đạt
87	2223240189	Ngô Thị Hương	Giang	07/10/2003	02DD15A2	7,5	6,5	6,8		8,0		7,5	Đạt
88	2223240129	Hồ Thị	Giang	09/12/2000	02DN15B1	10,0	10,0	10,0		9,8		9,9	Đạt
89	2223360059	Trịnh Văn	Giàu	20/10/1993	02YS15D1	6,8	6,5	6,6		9,6		8,4	Đạt
90	1223240004	Nguyễn Thị	Hà	02/10/1994	01DS15B1	5,0	5,0	5,0		5,8		5,5	Đạt
91	2223360458	Đỗ Thị Thu	Hà	10/08/2006	02YS15C1	7,5	8,5	8,2		6,8		7,4	Đạt
92	1223360188	Lê Đình Nam	Hải	27/12/2007	01DH15C1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
93	2223240081	Lê Văn	Hạnh	12/07/2003	02BK15A3	7,5	6,0	6,5		8,4		7,6	Đạt
94	2223240147	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/03/2001	02DS15A2	8,5	9,0	8,8		8,3		8,5	Đạt
95	2223360461	Trần Thị Hồng	Hạnh	05/03/2007	02PM15C2	7,5	6,0	6,5		6,3		6,4	Đạt
96	2223240052	Nguyễn Minh	Hào	05/12/1993	02DS15B2	7,0	7,5	7,3		10		8,9	Đạt
97	1223240007	Lâm Thị	Hảo	02/08/2001	01YS15A1	6,0	6,0	6,0		8,6		7,6	Đạt
98	2223240103	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	03/05/2002	02DS15A2	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
99	2223240185	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	26/08/2004	02DD15A2	8,0	8,5	8,3		8,8		8,6	Đạt
100	2223360400	Nguyễn Thị Khả	Hân	14/06/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		6,8		7,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
101	1223360013	Phạm Trúc	Hậu	19/10/2004	01YS15C1	6,0	6,0	6,0		7,8		7,1	Đạt
102	2223240127	Bùi Thị	Hiền	09/10/2002	02DD15B1	9,0	9,0	9,0		9,2		9,1	Đạt
103	2223360031	Ngô Quang	Hiệp	19/04/2002	02DD15C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
104	2223360457	Nguyễn Trương Hoàng	Hiệp	27/05/2007	02PM15C2	6,0	6,5	6,3		6,8		6,6	Đạt
105	2223360373	Trần Tuệ	Hiếu	31/07/2007	02PM15C2	8,0	9,0	8,7		7,4		7,9	Đạt
106	3223240018	Ngô Thái	Hòa	19/08/1998	02KT15E2	7,0	7,0	7,0		9,8		8,7	Đạt
107	2223240018	Hoàng Thị	Hoài	08/03/1990	02DD15B1	10,0	6,5	7,7		8,5		8,2	Đạt
108	1223360007	Thạch Huy	Hoàng	28/01/2002	01YS15C1	6,0	6,5	6,3		7,6		7,1	Đạt
109	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02KT15B1	6,5	7,0	6,8		7,6		7,3	Đạt
110	2223360392	Nguyễn Huy	Hoàng	03/04/2007	02PM15C2	8,5	8,5	8,5		5,2		6,5	Đạt
111	2223360394	Hồ Minh	Hoàng	24/07/2007	02PM15C2	8,5	5,5	6,5		4,2		5,1	Đạt
112	2223360185	Vũ Huy	Hoàng	14/04/2006	02DH15C1	7,5	6,0	6,5		7,3		7,0	Đạt
113	3223240002	Phạm Thị Kim	Hồ	20/10/1994	02KT15E2	9,5	8,0	8,5		6,6		7,4	Đạt
114	1223360026	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	30/07/2004	01DH15C1	6,0	6,0	6,0		8,0		7,2	Đạt
115	2223240017	Lê Thị	Hồng	17/10/1990	02YS15B1	10,0	7,0	8,0		7,1		7,5	Đạt
116	2223360006	Võ Thị	Hồng	02/6/1991	02DS15C2	8,5	7,5	7,8		8,2		8,0	Đạt
117	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	08/01/2002	02MK15D1	8,5	8,0	8,2		8,6		8,4	Đạt
118	2223240011	Nguyễn Thị	Huệ	14/02/1985	02DS15B1	10,0	7,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
119	2223360198	Đặng Thế	Hùng	21/12/2006	02DL15C1	9,0	6,5	7,3		5,0		5,9	Đạt
120	2223240132	Nguyễn	Hùng	21/01/2002	02YS15B1	6,0	9,5	8,3		9,0		8,7	Đạt
121	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01TM15A1	8,0	8,0	8,0		8,2		8,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
122	1223240041	Đỗ Vương	Huy	26/04/2001	01DS15A2	6,0	6,5	6,3		8,6		7,7	Đạt
123	1223360219	Nguyễn Phạm Xuân	Huy	30/03/2007	01DH15C1	6,0	6,0	6,0		6,2		6,1	Đạt
124	2223240057	Nguyễn Quốc	Huy	31/07/2003	02PM15A1	6,0	7,5	7,0		4,9		5,7	Đạt
125	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02KT15D1	10,0	6,5	7,7		8,0		7,9	Đạt
126	2223240092	Nguyễn Văn	Huy	14/11/2003	02YS15A2	7,0	6,5	6,7		8,2		7,6	Đạt
127	2223360094	Nguyễn Võ Minh	Huy	19/10/2001	02KT15C1	9,0	8,5	8,7		8,4		8,5	Đạt
128	2223240035	Nguyễn Khắc	Huy	15/09/2000	02TW15A1	8,0	8,0	8,0		9,8		9,1	Đạt
129	2223360065	Đình Thanh	Huy	07/10/2004	02DN15C1	8,0	7,5	7,7		6,3		6,9	Đạt
130	2223360229	Nguyễn Nhật	Huy	07/06/2007	02YS15D1	9,0	8,5	8,7		7,8		8,2	Đạt
131	2223360431	Lý Gia	Huy	27/09/2006	02MK15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
132	2223240083	Trần Thị Kim	Huyền	15/05/2003	02YS15A2	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
133	2223360026	Mai Thị	Huyền	03/06/1999	02YS15D1	6,0	7,0	6,7		1,8		3,8	Thi lại
134	2223360090	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	22/12/2003	02YS15C1	8,5	7,0	7,5		8,4		8,0	Đạt
135	2223360375	Trần Thị Thu	Huyền	29/01/2007	02MK15C1	8,0	6,0	6,7		6,2		6,4	Đạt
136	1223360077	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	12/03/2007	01DH15C1	7,0	6,0	6,3		9,1		8,0	Đạt
137	2223360384	Võ Nguyễn Minh	Hung	16/10/2007	02PM15C2	8,0	6,5	7,0		6,4		6,6	Đạt
138	2223240135	Lê Đức	Hung	07/09/1985	02DS15B2	6,0	6,0	6,0		9,8		8,3	Đạt
139	1223240050	Hà Thị	Huong	19/09/1995	01DS15B1	7,0	8,0	7,7		10,0		9,1	Đạt
140	2223240056	Lê Nguyễn Ngọc	Huong	23/11/1994	02DS15B2	6,0	8,5	7,7		7,3		7,5	Đạt
141	2223240180	Đào Xuân	Huong	13/03/1995	02DD15B1	7,0	7,5	7,3		8,3		7,9	Đạt
142	2223360399	Lê Thị Xuân	Huong	23/09/2007	02DH15C2	8,5	7,0	7,5		5,8		6,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
143	2223360096	Tạ Trung Kiên	22/07/2002	02DS15D1	8,0	6,5	7,0			8,2		7,7	Đạt
144	2223240162	Hoàng Trung Kiên	19/04/2003	02DN15B1	7,0	9,0	8,3			8,3		8,3	Đạt
145	1223240042	Trần Tuấn Kiệt	01/06/2001	01TM15A1	6,0	7,0	6,7			9,8		8,5	Đạt
146	2223360451	Ngô Anh Kiệt	26/09/2007	02TM15C1	8,0	6,0	6,7			4,2		5,2	Đạt
147	2223180063	Bùi Thị Kim Kiều	15/12/1987	02DS15B2	8,5	9,0	8,8			7,3		7,9	Đạt
148	2223360203	Phạm Thị Lệ Kiều	01/06/1994	02YS15D1	9,0	8,0	8,3			9,8		9,2	Đạt
149	1223360006	Đoàn Minh Khang	08/08/2006	01TM15C1	6,0	6,0	6,0			8,0		7,2	Đạt
150	1223360118	Nguyễn Tuấn Khang	07/11/2007	01KT15C1	5,0	5,0	5,0			8,9		7,3	Đạt
151	2223360367	Đỗ Trịnh Chí Khang	08/10/2007	02DH15C2	8,0	7,5	7,7			5,4		6,3	Đạt
152	2223360383	Nguyễn Minh Khang	31/08/2007	02PM15C2	8,0	5,0	6,0			5,6		5,8	Đạt
153	2223360255	Bùi Minh Khang	06/05/2007	02DD15C1	8,5	8,0	8,2			8,8		8,6	Đạt
154	2223360459	Trần Trọng Khang	10/03/2007	02DH15C3	7,0	6,0	6,3			8,3		7,5	Đạt
155	2223360452	Lê Võ Hoàng Khang	13/05/2005	02PM15C2	7,0	6,0	6,3			0,0		2,5	Thi lại
156	2223360422	Nguyễn Tuấn Khanh	22/11/2006	02TM15C1	8,0	5,5	6,3			5,8		6,0	Đạt
157	2223360469	Hà Nguyễn Quyền Khanh	13/11/2007	02DH15C3	7,0	8,5	8,0			8,5		8,3	Đạt
158	2223240021	Lê Quốc Khánh	22/04/2001	02TM15A1	7,0	6,5	6,7			8,4		7,7	Đạt
159	2223360098	Lương Thùy Mỹ Khánh	03/09/2004	02KT15C1	8,0	6,5	7,0			8,2		7,7	Đạt
160	2223360179	Trịnh Huy Khánh	14/09/2006	02DH15C1	7,0	6,0	6,3			9,3		8,1	Đạt
161	2223360424	Lê Bắc Khăm	01/01/2003	02DS15C2	8,0	7,5	7,7			6,6		7,0	Đạt
162	1223360194	Phạm Anh Khoa	07/02/2007	01DH15C1	7,0	6,0	6,3			8,0		7,3	Đạt
163	2223360033	Nguyễn Thị Đăng Khoa	02/08/2003	02DS15C1	9,0	8,0	8,3			9,5		9,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
164	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02KT15C1	9,0	8,0	8,3		8,8		8,6	Đạt
165	2223360391	Hồ Anh	Khoa	11/11/2007	02TM15C1	8,0	7,5	7,7		6,6		7,0	Đạt
166	2223360100	Dương Minh	Khôi	02/08/2006	02DD15C1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt
167	1223240032	Trương Mạnh	Khuong	14/07/1997	02KT15E1	6,5	9,0	8,2		7,1		7,5	Đạt
168	1223240035	Phan Trường	Lam	02/08/1999	02DH15B1	6,0	7,0	6,7		7,6		7,2	Đạt
169	1223360041	Chiêm Ngọc Trúc	Lam	12/09/2007	01YS15C1	7,0	6,0	6,3		7,3		6,9	Đạt
170	2223360080	Đình Công	Lâm	16/02/2003	02PM15C1	8,0	6,0	6,7		7,4		7,1	Đạt
171	1223240045	Phùng Văn	Lập	01/06/1991	01DS15B1	7,0	7,0	7,0		8,7		8,0	Đạt
172	1223240016	Đặng Ngọc Phương	Linh	31/05/2003	01DS15A2	6,0	7,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
173	2223360051	Nguyễn Thị	Linh	03/09/2002	02YS15D1	6,7	6,0	6,2		7,8		7,2	Đạt
174	1223240011	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/12/1997	02KT15E1	6,0	8,0	7,3		9,6		8,7	Đạt
175	2223360070	Mai Nguyễn Trúc	Linh	15/01/1999	02DH15D1	6,0	7,0	6,7		9,1		8,1	Đạt
176	2223360073	Trần Nhật	Linh	04/04/1999	02MK15D1	6,0	6,5	6,3		8,0		7,3	Đạt
177	2223360067	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	19/12/2004	02DS15D2	0,0	9,0	6,0		9,6		8,2	Đạt
178	2223240015	Nguyễn Phan Hoài	Linh	24/12/1999	02BK15B1	10,0	7,0	8,0		6,6		7,2	Đạt
179	2223240020	Đặng Trần Mỹ	Linh	21/06/2001	02DS15A2	8,0	7,5	7,7		7,6		7,6	Đạt
180	2223240084	Đỗ Thị Yên	Linh	06/03/2003	02DS15A2	8,5	7,0	7,5		8,8		8,3	Đạt
181	2223360427	Nguyễn Lý Ánh	Linh	09/05/2006	02MK15B1	7,5	8,5	8,2		8,0		8,1	Đạt
182	2223240080	Nguyễn Ứng	Linh	07/10/2001	02YS15A2	8,0	8,0	8,0		8,6		8,4	Đạt
183	2223360414	Nguyễn Ngọc Kim	Loan	07/12/2007	02DS15C1	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
184	1223360009	Lê Thanh	Long	03/09/2003	01KT15C1	6,0	6,0	6,0		8,4		7,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
185	2223240043	Lê Thành	Long	01/01/2003	02BK15B2	6,0	8,0	7,3		9,8		8,8	Đạt
186	2223360361	Nguyễn Sơn	Long	05/11/2007	02PM15C2	9,0	8,0	8,3		6,8		7,4	Đạt
187	2223240033	Võ Phước	Lộc	11/04/2002	02YS15B1	6,0	6,0	6,0		9,6		8,2	Đạt
188	2223360068	Trần Thanh Phước	Lộc	24/12/1988	02DS15D2	9,0	8,5	8,7		9,5		9,2	Đạt
189	2223360412	Nguyễn Quang	Lộc	06/08/2007	02DH15C2	8,5	8,5	8,5		5,6		6,8	Đạt
190	2223360097	Nguyễn Tiến	Lợi	14/10/2001	02PM15C2	8,5	7,0	7,5		8,2		7,9	Đạt
191	3223240019	Đào Đức	Lợi	10/01/1998	02KT15E2	9,0	8,5	8,7		8,4		8,5	Đạt
192	2223240160	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	21/10/2002	02DH15B1	8,5	8,0	8,2		8,8		8,6	Đạt
193	1223240038	Đào Thị	Mai	20/12/1997	01DS15B1	8,0	8,0	8,0		5,8		6,7	Đạt
194	1223180004	Nguyễn Thị Phương	Mai	30/05/1983	01DS15A2	8,0	9,5	9,0		8,6		8,8	Đạt
195	2223240178	Võ Thị Tuyết	Mai	22/02/1975	02YS15B1	8,0	9,3	8,8		8,5		8,6	Đạt
196	2223180014	Lý Hà	Mi	03/04/1993	02BK15B2	6,0	7,0	6,7		10,0		8,7	Đạt
197	2223360084	Nguyễn Quang	Minh	30/04/2003	02MK15C1	7,0	9,0	8,3		7,4		7,8	Đạt
198	2223360407	Nguyễn Văn Bình	Minh	24/10/2006	02MK15C1	8,0	8,0	8,0		5,4		6,4	Đạt
199	2223240039	Võ Nguyễn Hoàng	My	05/04/2003	02DD15B1	6,3	6,0	6,1		8,0		7,2	Đạt
200	2223360405	Nguyễn Hoàng Hải	My	17/09/2007	02DD15C1	8,0	5,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
201	1223360079	Nguyễn Hoàng	Mỹ	02/05/2007	01TM15C1	5,0	5,0	5,0		6,7		6,0	Đạt
202	2223240047	Vũ Nhật	Nam	29/06/2002	02DD15B1	6,5	6,0	6,2		7,8		7,2	Đạt
203	2223360328	Đào Văn	Nam	17/12/2004	02MK15D1	7,0	8,0	7,7		8,5		8,2	Đạt
204	2223240161	Bích Hường	Niê	18/03/1996	02DD15A2	8,0	7,5	7,7		6,6		7,0	Đạt
205	3223240010	Đoàn Nhất	Nương	29/12/1992	02KT15E2	6,5	6,0	6,2		9,3		8,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
206	2223360110	Nguyễn Lê Minh	Ny	25/12/2007	01DN15C1	6,0	5,0	5,3		6,7		6,1	Đạt
207	2223360455	Nguyễn Thị Tô	Nga	17/09/2007	02DS15C2	9,0	8,5	8,7		8,8		8,8	Đạt
208	2223360460	Trần Ngọc Thiên	Nga	09/11/2006	02MK15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
209	1223240010	Đoàn Thu	Ngân	15/07/2000	01DS15B1	6,0	8,0	7,3		10,0		8,9	Đạt
210	1223360014	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	04/10/1999	01DH15C1	6,0	6,0	6,0		8,2		7,3	Đạt
211	1223360129	Châu Kim	Ngân	11/10/2007	01DS15C1	6,0	5,0	5,3		7,8		6,8	Đạt
212	1223360178	Huỳnh Thị Kim	Ngân	25/05/2007	01DD15C1	6,0	5,0	5,3		6,0		5,7	Đạt
213	2223360101	Nguyễn Huỳnh Khánh	Ngân	14/12/2005	02YS15C1	7,0	8,5	8,0		8,6		8,4	Đạt
214	2223360362	Trần Vương Song	Ngân	05/12/2007	02DD15C1	8,0	5,5	6,3		3,6		4,7	Đạt
215	2223360385	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/01/2007	02KT15C1	8,0	7,5	7,7		4,2		5,6	Đạt
216	2223240163	Lê Đức	Nghĩa	24/02/1995	02MK15B1	8,0	9,0	8,7		8,8		8,8	Đạt
217	1223240006	Trần Hồ Mỹ	Ngọc	01/01/2003	01DD15A1	6,0	6,5	6,3		8,2		7,4	Đạt
218	1223360109	Lê Thị	Ngọc	05/01/2007	01YS15C1	7,0	6,0	6,3		5,1		5,6	Đạt
219	2223240030	Ngô Tuyển	Ngọc	31/07/2001	02DH15B1	6,0	7,0	6,7		9,8		8,6	Đạt
220	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02DH15C1	8,0	7,0	7,3		8,4		8,0	Đạt
221	2223240099	Nguyễn Long	Ngọc	22/08/2003	02DN15A1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
222	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/03/2003	02YS15A2	7,0	8,5	8,0		7,3		7,6	Đạt
223	2223360401	Hà Bảo	Ngọc	03/12/2007	02DD15C1	8,5	7,0	7,5		7,0		7,2	Đạt
224	1223240030	Nguyễn Phương	Nguyên	23/12/2001	01DS15A2	6,0	6,0	6,0		5,8		5,9	Đạt
225	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh	Nguyên	17/10/2000	02DH15A1	8,5	8,0	8,2		8,4		8,3	Đạt
226	2223360058	Trần Thị Thanh	Nguyên	24/01/2004	02DD15C1	8,0	8,0	8,0		7,8		7,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
227	2223360406	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	11/08/2007	02DH15C2	8,5	7,0	7,5		6,2		6,7	Đạt
228	2223360057	Nguyễn Hồng	Ngự	21/02/1994	02DN15D1	5,5	5,0	5,2		8,2		7,0	Đạt
229	1223360197	Nguyễn Đình Thiện	Nhân	12/06/2007	01YS15C1	6,0	5,0	5,3		6,9		6,3	Đạt
230	2223240145	Phạm Tấn	Nhất	11/05/1996	02KT15A1	7,0	9,0	8,3		0,0		3,3	Thi lại
231	2223360042	Đặng Xuân	Nhật	10/11/2001	02DH15C1	9,0	9,0	9,0		8,3		8,6	Đạt
232	2223360368	Cao Minh	Nhật	06/12/2007	02MK15C1	8,0	8,5	8,3		5,6		6,7	Đạt
233	1223240046	Trần Thị Hồng	Nhi	29/10/1998	02KT15E1	7,0	7,0	7,0		7,6		7,3	Đạt
234	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02KT15D1	6,0	7,0	6,7		7,3		7,1	Đạt
235	2223360078	Nguyễn Phạm Nguyệt	Nhi	25/05/2006	02YS15C1	8,5	8,0	8,2		7,8		8,0	Đạt
236	3223240020	Võ Ngọc Kiều	Nhi	24/09/1998	02DS15B2	9,0	8,0	8,3		8,4		8,4	Đạt
237	2223240067	Võ Tuệ	Nhi	29/01/2001	02DD15A2	10,0	8,0	8,7		9,3		9,1	Đạt
238	2223240152	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhi	02/10/1997	02MK15B1	7,5	9,0	8,5		7,8		8,1	Đạt
239	2223360377	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	29/10/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		6,8		7,7	Đạt
240	2223360429	Dương Nguyệt	Nhi	24/06/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		7,2		7,9	Đạt
241	2223360468	Sóc Thị Quỳnh	Nhi	24/03/2007	02DN15C1	9,0	8,5	8,7		6,5		7,4	Đạt
242	2223360251	Nguyễn Võ Uyển	Nhi	15/05/2004	02YS15C1	7,0	7,5	7,3		6,8		7,0	Đạt
243	2223240124	Vũ Thị Yến	Nhi	27/07/2000	02YS15B1	6,0	9,0	8,0		9,4		8,8	Đạt
244	1223360148	Trần Thị Phi	Nhung	05/06/2007	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		6,9		6,9	Đạt
245	2223360381	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	09/10/2007	02DH15C2	8,0	9,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
246	2223360153	Nguyễn Thị Yến	Như	20/07/2007	02KT15C1	8,0	6,5	7,0		6,4		6,6	Đạt
247	2223360453	Phạm Ngọc Quỳnh	Như	10/12/2007	02MK15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
248	2223240023	Nguyễn Thị	Nhường	06/11/1980	02DD15B1	10,0	4,5	6,3		6,5		6,4	Đạt
249	2223360023	Phạm Nguyễn Minh	Nhật	29/12/2006	02DH15C1	8,0	8,5	8,3		6,0		6,9	Đạt
250	2223360472	Đỗ Minh	Nhật	26/01/2003	02PL15C1	7,0	9,0	8,3		9,3		8,9	Đạt
251	2223240022	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/04/1985	02DD15B1	7,0	9,0	8,3		9,3		8,9	Đạt
252	1223360004	Nguyễn Thanh	Phái	13/11/2004	02YS15C1	7,0	9,0	8,3		5,6		6,7	Đạt
253	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02KT15B1	6,5	7,0	6,8		8,0		7,5	Đạt
254	3223240008	Lương Thiêm	Phát	19/04/1998	02KT15E2	6,7	9,0	8,2		8,2		8,2	Đạt
255	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02DD15C2	8,5	7,5	7,8		8,4		8,2	Đạt
256	2223360041	Tô Thành	Phát	18/12/2005	02DL15C1	8,0	5,5	6,3		7,0		6,7	Đạt
257	2223240169	Đặng Phong	Phú	28/02/1993	02PM15A2	7,0	8,0	7,7		8,3		8,1	Đạt
258	1223360208	Nguyễn Thanh	Phúc	04/10/2007	01TM15C1	6,0	5,5	5,7		7,6		6,8	Đạt
259	1223360217	Thân Thị Hoàng	Phúc	11/03/2007	01DS15C1	6,0	6,0	6,0		8,9		7,7	Đạt
260	3223240023	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/04/2001	02KT15E2	9,5	9,0	9,2		9,2		9,2	Đạt
261	2223360357	Nguyễn Thiên	Phúc	21/01/2007	02DH15C2	8,0	6,0	6,7		4,0		5,1	Đạt
262	2223360462	Vũ Đức	Phúc	19/02/2007	02DH15C3	5,0	7,0	6,3		8,8		7,8	Đạt
263	2223360037	Phạm Hoàng	Phước	09/02/1997	02YS15D1	6,0	7,5	7,0		6,4		6,6	Đạt
264	2223240038	Đặng Văn	Phước	02/11/1997	02TW15B1	6,0	8,0	7,3		10,0		8,9	Đạt
265	1223360183	Phan Thị Trúc	Phuong	22/06/2007	01KT15C1	5,0	5,0	5,0		8,4		7,0	Đạt
266	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phuong	22/9/2006	02DH15D1	10,0	8,5	9,0		8,7		8,8	Đạt
267	2223180065	Lê Hồ	Phuong	17/06/1980	02DS15B2	9,0	9,0	9,0		7,8		8,3	Đạt
268	2223360156	Phạm Trần Hà	Phuong	13/04/2004	02DS15C1	8,0	9,0	8,7		6,8		7,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
269	2223240054	Võ Thị Kim	Phượng	11/10/1991	02YS15B1	6,0	6,0	6,0		10,0		8,4	Đạt
270	2223240102	Thái Hồ	Quang	20/07/1999	02YS15B1	10,0	9,5	9,7		9,6		9,6	Đạt
271	1223240033	Phạm Văn	Quảng	12/01/1996	01BK15B2	6,0	7,0	6,7		10,0		8,7	Đạt
272	1223360168	Võ Minh	Quân	10/06/2007	01PM15C1	6,0	6,5	6,3		7,8		7,2	Đạt
273	2223360227	Lý Kiến	Quốc	26/08/2007	02PM15C2	8,0	7,5	7,7		6,8		7,2	Đạt
274	1223360126	Ngô Tố	Quyên	21/09/2007	01MK15C1	6,0	5,0	5,3		8,2		7,0	Đạt
275	2223240037	Vũ Thị	Quyên	12/06/1984	02BK15B2	6,0	6,5	6,3		6,9		6,7	Đạt
276	2213360381	Trần Lê Thảo	Quyên	11/12/2003	02BK15A2	8,0	7,0	7,3		6,8		7,0	Đạt
277	2223360439	Nguyễn Tường	Quyên	15/02/2001	02DD15D1	8,5	8,0	8,2		8,3		8,3	Đạt
278	2223360477	Lại Ngọc	Quyên	14/07/1998	02YS15D1	9,0	7,0	7,7		6,8		7,2	Đạt
279	2223240142	Trần Thị Cẩm	Quyên	30/10/2001	02YS15B1	10,0	10,0	10,0		9,4		9,6	Đạt
280	2223360189	Trần Xuân	Quyển	25/10/2003	02TM15C1	7,0	9,0	8,3		9,5		9,0	Đạt
281	3223240006	Võ Thị Kim	Quỳnh	12/07/1996	02KT15E2	6,5	6,0	6,2		9,8		8,4	Đạt
282	1223360005	Nguyễn Tấn	Sang	02/07/2004	01TM15C1	6,0	6,5	6,3		6,6		6,5	Đạt
283	2223240066	Võ Thị Ngọc	Sang	01/10/1985	02DD15B1	6,3	8,5	7,8		9,1		8,6	Đạt
284	2223240002	Nguyễn Thanh	Sang	11/9/1996	02DS15B1	10,0	9,0	9,3		8,7		8,9	Đạt
285	2223360104	Vũ Minh	Sang	06/12/2006	02DH15C1	7,0	6,0	6,3		7,8		7,2	Đạt
286	2223240069	Trần Thị	Sâm	12/11/2003	02DD15B1	6,0	8,0	7,3		7,6		7,5	Đạt
287	1223240002	Nguyễn Công	Son	08/07/2001	01DS15A2	6,0	7,5	7,0		8,2		7,7	Đạt
288	1223360089	Nguyễn Võ Bình	Son	21/10/2007	01PM15C1	5,0	5,0	5,0		7,3		6,4	Đạt
289	2223360074	Phan Nhật	Son	18/11/2002	02DH15C1	10,0	7,0	8,0		5,3		6,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
290	1223360218	Trần Công	Sung	23/04/2007	01DN15C1	5,0	6,0	5,7		8,2		7,2	Đạt
291	1223240014	Trần Nhật	Tài	26/01/2002	01TM15C1	6,0	6,0	6,0		8,4		7,4	Đạt
292	2223360018	Đỗ Phú Thành	Tài	03/06/2006	02DS15C1	8,0	7,0	7,3		6,6		6,9	Đạt
293	2223360055	Trương Tấn	Tài	29/01/2003	02DH15C1	10,0	6,0	7,3		6,3		6,7	Đạt
294	2223360062	Nguyễn Đức	Tài	12/12/2002	02DH15C1	8,0	8,0	8,0		6,8		7,3	Đạt
295	2223360366	Phan Văn	Tài	27/07/2007	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		5,8		6,7	Đạt
296	2223360382	Vô Thành	Tài	27/02/2007	02DN15C1	8,0	7,0	7,3		6,4		6,8	Đạt
297	1223240031	Lê Thị Minh	Tâm	26/04/2003	01DS15A2	7,0	8,5	8,0		5,0		6,2	Đạt
298	2223240044	Trần Thiện Tiến	Tâm	14/02/1995	02DH15B1	6,0	6,5	6,3		8,9		7,9	Đạt
299	2223360056	Lê Thị	Tâm	02/10/1999	02MK15D1	6,0	6,0	6,0		9,8		8,3	Đạt
300	2223360411	Nguyễn Phương Thanh	Tâm	11/11/2007	02DS15C1	8,5	6,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
301	2223240078	Phạm Đồng	Tâm	25/10/1995	02MK15B1	10,0	9,5	9,7		9,6		9,6	Đạt
302	1223360050	Đoàn Duy	Tân	05/01/2007	01TM15C1	5,0	5,0	5,0		8,4		7,0	Đạt
303	2223240058	Nông Thị	Tem	25/02/1999	02PL15A1	6,0	6,0	6,0		9,8		8,3	Đạt
304	2223240075	Vô Thanh Mỹ	Tiên	25/08/1994	02DS15A2	9,0	7,5	8,0		8,6		8,4	Đạt
305	2223240087	Đặng Huỳnh Thủy	Tiên	13/11/2003	02MK15A1	8,0	8,0	8,0		8,8		8,5	Đạt
306	2223360379	Lê Trúc	Tiên	24/03/2007	02DH15C2	8,0	6,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
307	2223360473	Lê Thị Thủy	Tiên	31/10/2007	02DD15C1	7,5	6,0	6,5		6,8		6,7	Đạt
308	2223360482	Lê Thủy	Tiên	09/04/2007	02DD15C1	8,0	5,0	6,0		8,3		7,4	Đạt
309	1223180006	Trần Ngọc	Tiến	13/03/1988	01DS15B1	6,7	6,0	6,2		10,0		8,5	Đạt
310	2223180017	Phạm Văn	Tin	10/01/1989	02DS15B2	7,3	7,5	7,4		7,6		7,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
311	1223360189	Lê Nguyễn Chí	Tình	02/09/2007	01DH15C1	5,0	5,0	5,0		6,9		6,1	Đạt
312	1223360221	Nguyễn Phước	Toàn	21/12/2007	01YS15C1	6,0	5,0	5,3		7,8		6,8	Đạt
313	1223360071	Nguyễn Đức	Toàn	11/03/2004	02KT15D1	6,0	8,0	7,3		8,6		8,1	Đạt
314	2223240028	Trần Tiến	Tới	13/09/2003	02YS15A2	8,0	7,0	7,3		6,4		6,8	Đạt
315	1223240009	Lê Thị Cẩm	Tú	22/01/2000	02KT15E2	6,0	7,5	7,0		8,2		7,7	Đạt
316	2223240091	Trần Thị Cẩm	Tú	12/08/2003	02DS15A2	8,5	8,5	8,5		8,4		8,4	Đạt
317	3223240011	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/3/2001	02KT15E2	10,0	8,5	9,0		7,6		8,2	Đạt
318	3223240016	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	30/08/1990	02KT15E2	9,0	7,5	8,0		9,6		9,0	Đạt
319	2223180064	Võ Thị Cẩm	Tú	07/09/1983	02DS15B2	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
320	2223360465	Vũ Cẩm	Tú	19/02/2006	02MK15C1	9,0	8,0	8,3		8,8		8,6	Đạt
321	2223360066	Lê Anh	Tuấn	14/03/2003	02BK15B2	5,0	5,0	5,0		5,6		5,4	Đạt
322	2223240009	Trần Anh	Tuấn	19/11/1996	02DH15A1	8,0	8,0	8,0		8,4		8,2	Đạt
323	2223240096	Phù Chí	Tuấn	25/02/2003	02YS15A2	9,0	10,0	9,7		9,0		9,3	Đạt
324	2223360063	Nguyễn Anh	Tuấn	19/03/2003	02TM15C1	8,0	8,5	8,3		7,3		7,7	Đạt
325	2223240187	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	19/01/20001	02DH15B1	8,0	9,0	8,7		8,5		8,6	Đạt
326	2223360099	Lương Minh	Tuấn	16/06/1985	02MK15D1	6,5	6,5	6,5		9,0		8,0	Đạt
327	1223360200	Võ Phan Thanh	Tùng	23/10/2007	01TM15C1	6,0	6,5	6,3		7,6		7,1	Đạt
328	2223240167	Đình Quốc Quỳnh	Tuyên	25/07/2003	02DS15B2	7,0	9,0	8,3		0,0		3,3	Thi lại
329	1223360114	Nguyễn Đăng Mộng	Tuyền	28/10/2007	01KT15C1	6,0	6,5	6,3		8,7		7,7	Đạt
330	2223360015	Nguyễn Thu Thanh	Tuyền	08/07/2001	02KT15D1	8,0	5,0	6,0		6,1		6,1	Đạt
331	2223180043	Lương Thị Lam	Tuyền	03/03/1998	02DD15B1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
332	2223240049	Nguyễn Văn	Thái	23/02/1997	02YS15B1	6,5	8,0	7,5		8,4		8,0	Đạt
333	2223360419	Trần Minh	Thái	30/08/2007	02DS15C1	8,5	5,0	6,2		4,2		5,0	Đạt
334	1223240015	Lý Văn	Thanh	06/01/1968	01DS15B1	8,0	8,0	8,0		9,1		8,7	Đạt
335	1223360202	Trần Thị Phương	Thanh	01/12/2004	01MK15C1	6,0	5,5	5,7		5,3		5,5	Đạt
336	2223360038	Lê Hồ Bá	Thanh	16/08/1994	02DS15D2	7,3	8,0	7,8		9,8		9,0	Đạt
337	2223360081	Huỳnh Thị	Thanh	21/10/2001	02DN15C1	8,5	7,0	7,5		7,8		7,7	Đạt
338	2223360048	Lý Vũ Gia	Thanh	05/05/2003	02MK15D1	7,0	6,5	6,7		6,3		6,5	Đạt
339	2223240175	Nguyễn Thị Trúc	Thanh	08/05/2004	02KT15B1	8,0	8,5	8,3		8,6		8,5	Đạt
340	2223360007	Nguyễn Hoàng	Thành	12/12/2000	02DN15D1	10,0	5,5	7,0		7,4		7,2	Đạt
341	2223360476	Phan Văn	Thành	03/08/2000	02DS15D2	7,5	6,5	6,8		8,3		7,7	Đạt
342	2223360470	Trần Phúc	Thành	28/10/2006	02PM15C2	7,5	7,0	7,2		9,0		8,3	Đạt
343	1223240026	Cao Thị Phương	Thảo	03/08/2003	01DS15A2	6,0	6,5	6,3		8,4		7,6	Đạt
344	1223360174	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/10/2007	01PM15C1	7,0	7,0	7,0		7,8		7,5	Đạt
345	1223360110	Đặng Thị Thanh	Thảo	19/06/2003	01MK15C1	8,0	7,5	7,7		8,7		8,3	Đạt
346	2223360003	Dương Thị Bé	Thảo	29/09/1995	02DS15C1	10,0	7,5	8,3		9,4		9,0	Đạt
347	2223360011	Trần Ngọc Thanh	Thảo	23/04/2005	02DD15C1	9,0	8,0	8,3		6,6		7,3	Đạt
348	3223240015	Hồ Thị Xuân	Thảo	16/06/1999	02KT15E2	9,0	8,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
349	2223360425	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	20/09/1997	02KT15D1	7,0	8,0	7,7		0,0		3,1	Thi lại
350	2223240172	Đặng Thị Phương	Thảo	04/04/1991	02KT15B1	7,0	9,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
351	2223360456	Trần Ngọc Thanh	Thảo	12/11/2007	02MK15C1	8,0	9,0	8,7		7,3		7,9	Đạt
352	2223240190	Vũ Thị Thu	Thảo	01/11/2000	02YS15A2	6,5	6,5	6,5		6,0		6,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
353	1223360167	Phạm Hồng	Thắm	14/05/2007	01KT15C1	7,0	7,0	7,0		8,2		7,7	Đạt
354	2223240150	Vũ Thị	Thắm	09/10/1982	02KT15B1	7,5	9,0	8,5		6,8		7,5	Đạt
355	2223240062	Phan Duy	Thiên	17/03/1998	02DH15B1	6,8	6,0	6,3		6,4		6,4	Đạt
356	1223360179	Trần Ngọc	Thiện	02/10/2007	01TM15C1	5,0	5,0	5,0		7,6		6,6	Đạt
357	1223360016	Lê	Thịnh	28/02/2006	01DD15C1	7,0	6,0	6,3		8,6		7,7	Đạt
358	1223360190	Lâm Quốc	Thịnh	03/12/2007	01TM15C1	5,0	5,0	5,0		7,8		6,7	Đạt
359	1223360204	Nguyễn Quốc Hưng	Thịnh	03/08/2007	01PM15C1	5,0	5,0	5,0		7,8		6,7	Đạt
360	1223360209	Lâm Phúc	Thịnh	01/03/2007	01PM15C1	6,0	5,5	5,7		9,8		8,2	Đạt
361	1223360017	Lê Thị Kim	Thoa	26/03/2001	02KT15E1	7,0	8,0	7,7		9,8		8,9	Đạt
362	2223360175	Huỳnh Tấn	Thông	15/12/2003	02MK15C1	9,0	9,0	9,0		8,3		8,6	Đạt
363	2223240053	Nguyễn Minh	Thuận	11/03/2001	02DS15B2	7,0	7,0	7,0		8,9		8,1	Đạt
364	2223240173	Nguyễn Thị Kiều	Thuận	19/09/2001	02DS15B2	7,0	9,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
365	2223360467	Nguyễn Trần Thiên	Thuận	28/08/2006	02DN15C1	8,0	8,5	8,3		8,5		8,4	Đạt
366	1223240039	Trần Thị Thanh	Thúy	12/01/1998	01KT15A1	7,0	8,0	7,7		8,6		8,2	Đạt
367	3223240017	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	17/12/1998	02KT15E2	9,5	8,5	8,8		9,4		9,2	Đạt
368	2223240159	Trần Thị	Thùy	20/03/1983	02DS15B2	7,5	9,5	8,8		7,8		8,2	Đạt
369	2223240048	Trương Thu	Thủy	01/01/1994	02DS15A2	6,0	6,0	6,0		9,6		8,2	Đạt
370	2223240133	Nguyễn Ngọc	Thủy	06/06/1996	02DS15B2	8,0	9,0	8,7		9,8		9,4	Đạt
371	1223360177	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/05/2006	01DS15C1	6,0	5,0	5,3		4,4		4,8	Đạt
372	2223240005	Nguyễn Thanh	Thúy	05/3/1997	02DN15B1	10,0	9,0	9,3		9,8		9,6	Đạt
373	2223240165	Bùi Thị	Thúy	10/10/1999	02DN15B1	8,5	9,0	8,8		7,5		8,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
374	1223360205	Nguyễn Hoàng	Thuyền	29/08/2007	01PM15C1	5,0	6,0	5,7		8,4		7,3	Đạt
375	1223360195	Trịnh Thị	Thư	11/08/2007	01KT15C1	6,0	5,0	5,3		8,9		7,5	Đạt
376	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim	Thư	07/05/2003	02YS15A2	10,0	8,0	8,7		7,3		7,9	Đạt
377	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02MK15C1	8,0	8,0	8,0		6,5		7,1	Đạt
378	2223360416	Nguyễn Thụy Giang	Thy	07/02/2000	02DD15D1	9,0	9,0	9,0		7,3		8,0	Đạt
379	2223180041	Phạm Sơn	Trà	13/10/1989	02BK15B3	9,5	9,5	9,5		9,0		9,2	Đạt
380	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02KT15D1	6,0	6,0	6,0		7,3		6,8	Đạt
381	2223240063	Lê Nguyễn Mai	Trang	06/01/2000	02DS15B2	6,8	6,5	6,6		10,0		8,6	Đạt
382	1223240020	Phan Ngọc	Trâm	26/10/2001	01DS15A2	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
383	1223240019	Phan Bích	Trâm	26/10/2001	01DS15A2	7,0	6,0	6,3		5,6		5,9	Đạt
384	2223240060	Đoàn Ngọc	Trâm	07/03/2002	01KT15A1	6,0	6,0	6,0		8,4		7,4	Đạt
385	2223240110	Lê Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	12/02/1997	02KT15E2	8,5	9,5	9,2		9,2		9,2	Đạt
386	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02KT15C1	8,0	8,5	8,3		9,0		8,7	Đạt
387	2223360025	Ngô Thị Bích	Trâm	07/03/2002	02MK15C1	8,0	5,0	6,0		5,3		5,6	Đạt
388	1223360008	Đoàn Ngọc Quế	Trân	16/09/2005	01DS15C1	7,0	8,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
389	2223240077	Nguyễn Mộng Huyền	Trân	20/05/1999	02YS15B1	9,5	10,0	9,8		9,8		9,8	Đạt
390	1223360100	Lưu Trần Minh	Trí	28/10/2007	01DS15C1	6,0	5,0	5,3		8,0		6,9	Đạt
391	1833620194	Võ Cao	Trí	05/02/1993	02DD11C1	6,5	6,5	6,5		7,8		7,3	Đạt
392	2223360089	Vũ Hoàng Thiên	Trí	20/07/2003	02DH15C1	8,0	6,5	7,0		8,2		7,7	Đạt
393	2223240086	Bùi Giang Nguyên	Trình	26/10/1994	02DS15B2	10,0	10,0	10,0		9,4		9,6	Đạt
394	2223240065	Nguyễn Ngọc	Triu	25/04/1998	02YS15A2	9,0	7,0	7,7		7,8		7,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
395	2223240089	Nguyễn Hữu Trọng	18/08/2000	02YS15B1	10,0	9,5	9,7		9,4		9,5	Đạt	
396	1223240043	Trương Thị Thanh Trúc	26/07/1999	02KT15E1	7,0	8,0	7,7		10,0		9,1	Đạt	
397	2223360266	Trần Thị Thu Trúc	28/10/2004	02YS15D1	8,5	9,0	8,8		7,5		8,0	Đạt	
398	1223360196	Dương Quốc Trung	08/09/2007	01PM15C1	6,0	5,0	5,3		7,8		6,8	Đạt	
399	3223240012	Lâm Hoài Trung	28/05/1982	01DS15B1	7,0	8,0	7,7		9,6		8,8	Đạt	
400	2223240013	Trần Đức Trung	28/02/1999	02YS15B1	10,0	8,5	9,0		8,3		8,6	Đạt	
401	3223240025	Nguyễn Thành Trung	26/08/1990	02KT15E2	9,0	7,0	7,7		9,4		8,7	Đạt	
402	1223240044	Nguyễn Tấn Trương	15/09/1995	01DS15B1	8,0	8,0	8,0		8,9		8,5	Đạt	
403	1223360201	Nguyễn Văn Trường	21/11/2005	01PM15C1	5,0	5,0	5,0		8,7		7,2	Đạt	
404	2223240090	Phạm Mạnh Trường	10/06/2003	02DS15B2	10,0	10,0	10,0		9,8		9,9	Đạt	
405	2223360012	Lê Thùy Uyên	22/10/2003	02DD15C2	8,5	7,5	7,8		8,0		7,9	Đạt	
406	2223360464	Trần Phương Uyên	29/10/2007	02YS15C1	9,5	6,0	7,2		5,5		6,2	Đạt	
407	2223360181	Lê Thị Trường Vang	13/12/1989	02DH15D1	8,5	9,0	8,8		9,8		9,4	Đạt	
408	1223240005	Nguyễn Thị Kim Vân	04/01/2002	01DS15B1	8,0	6,5	7,0		8,7		8,0	Đạt	
409	1223180002	Võ Hồng Vân	06/02/1970	01DS15A2	6,0	7,0	6,7		7,8		7,4	Đạt	
410	1223240028	Phạm Thị Thúy Vân	03/03/1992	02YS15A2	8,0	8,0	8,0		8,4		8,2	Đạt	
411	2223360005	Trịnh Thị Thúy Vân	24/06/1998	02DD15C2	8,0	7,0	7,3		9,0		8,3	Đạt	
412	2223360380	Ngô Thanh Vân	18/07/2007	02DH15C2	8,0	8,5	8,3		7,0		7,5	Đạt	
413	1223240012	Lê Thị Tường Vi	01/09/2003	01DS15A2	6,0	6,0	6,0		8,6		7,6	Đạt	
414	2223240042	Đỗ Thị Tường Vi	05/08/1987	02DS15B2	7,5	9,0	8,5		10,0		9,4	Đạt	
415	2223180026	Nguyễn Thái Phương Vi	04/10/1985	02DS15B1	6,3	6,0	6,1		10,0		8,4	Đạt	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
416	2223360463	Lê Ngọc Phương	Vi	21/09/2007	02DH15C3	7,0	5,0	5,7		5,3		5,5	Đạt
417	2223240088	Đào Lan	Vi	01/04/1995	02DH15B1	7,0	8,0	7,7		9,8		9,0	Đạt
418	2213360177	Trương Quốc	Việt	24/11/2006	02TM15C1	6,0	6,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
419	2223240045	Nguyễn Thế	Vĩnh	05/04/1997	02YS15B1	6,3	6,0	6,1		9,8		8,3	Đạt
420	2223360043	Đình Khả	Vy	16/09/2000	02DS15D2	7,0	7,0	7,0		8,5		7,9	Đạt
421	2223360093	Nguyễn Đặng Thanh	Vy	28/10/2001	02DS15C2	8,0	7,5	7,7		9,2		8,6	Đạt
422	2223240131	Nguyễn Đan	Vy	10/08/2002	02YS15B1	8,0	9,5	9,0		9,2		9,1	Đạt
423	1223360228	Mai Như	Ý	10/08/2007	02DD15C1	7,5	7,0	7,2		5,8		6,4	Đạt
424	2223240179	Nguyễn Thị Thanh Hải	Ý	29/08/1993	02YS15A2	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
425	1223240051	Trần Ngọc	Yến	09/05/1996	02DS15B2	6,0	7,0	6,7		6,9		6,8	Đạt
426	1223360225	Nguyễn Kim	Yến	04/12/2007	01DS15C1	6,0	5,0	5,3		6,9		6,3	Đạt
427	2223360064	Lê Ngọc Kim	Yến	20/04/2003	02DS15C2	6,0	7,0	6,7		6,5		6,6	Đạt
428	2223360039	Bùi Phi	Yến	04/10/2006	02DS15C1	6,0	7,0	6,7		7,5		7,2	Đạt